

Có ý thức nghiên cứu địa điểm thực hành, ý thức đạo đức tốt, nhanh nhẹn, tác phong sư phạm mẫu mực. Thực hành đóng vai giáo viên phải có tác phong mô phạm, lịch sự, đúng mực.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động công tác xã hội đối với việc nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
CLO2	Người học hiểu rõ trách nhiệm của sinh viên trong việc tuân thủ các quy định của đoàn, của cộng đồng.
CLO3	Người học biết được cách thức viết báo cáo thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành.
CLO4	Có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong quá trình tham quan thực tế.
CLO5	Người học có kỹ năng thiết kế kế hoạch thực hành của bản thân và thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với dân cư cộng đồng.
CLO6	Người học có ý thức tập thể, tuân thủ tính kỷ luật.
CLO7	Người học luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I						R					
CLO 2							M					
CLO 3							A	A	A			
CLO 4		R					A	A	A			
CLO 5							A	A	A		M	
CLO 6										M		M

CLO7										M	M	M
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	---	---

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	40%	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3 - Đánh giá theo tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tham gia chuyên đi thực hành. + Có ý thức đoàn kết, tinh thần tập thể, tính kỉ luật. + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên 		X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7.	Quan sát, theo dõi, điểm danh
A2. Báo cáo thu hoạch (Thay thế thi kết thúc HP)	60%	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của hoạt động thực hành CTXH tại cộng đồng; khái quát thời gian, địa điểm, thành phần thực hành. - Nội dung thực hành CTXH tại cộng đồng - Cảm nghĩ, vận dụng trong học tập, cuộc sống. 		X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7.	Viết báo cáo

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.

6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	<p>Nội dung 1: Giảng viên phổ biến kế hoạch thực hành CTXH tại cộng đồng</p> <p>1.1 Giảng viên thông qua Kế hoạch thực hành CTXH tại cộng đồng.</p> <p>1.2 Giảng viên quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ cho từng sinh viên</p> <p>1.3 Giảng viên và sinh viên thảo luận về chuyển thực hành tại cộng đồng.</p> <p>Nội dung 2: - Thực hành CTXH tại các cộng đồng</p> <p>2.1 - Thực tế tham quan theo kế hoạch</p>	(02 LT; 20 TH)	<p>- Ghi nhớ, hiểu được công việc cần làm trong quá trình thực hành.</p> <p>- Hiểu biết về văn hóa, kinh tế - xã hội ở cộng đồng.</p> <p>- Có kỹ năng thiết lập mối quan tốt đẹp.</p> <p>- Áp dụng được lý thuyết vào thực tiễn công việc tại cơ sở thực hành.</p>	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7.	<p>Hình thức: Lên lớp phổ biến kế hoạch thực hành; Sinh viên đi thực tế tại các cộng đồng trong tỉnh nơi đang triển khai các dự án phát triển cộng đồng.</p> <p>Phương pháp quan sát; thu thập thông tin; điều tra thực tế.</p>	<p><u>Phân chuẩn bị ở nhà:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu trước địa điểm, nội dung công việc thực hành tại cơ sở. - Lập Kế hoạch thực hành. <p><u>Phân chuẩn bị trên lớp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có 02 tiết tập trung tại lớp để nghe giảng viên thông qua Kế hoạch, nội dung, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình thực hành tại cơ sở. - Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành. 	A2.1

Tuần 2	2.2 Viết Báo cáo thu hoạch	(OLT; 08 TH)	<p>- Trình bày được các nội dung công việc đã làm tại cơ sở.</p> <p>- Phân tích được mặt thuận lợi, khó khăn, mặt mạnh, mặt hạn chế của bản thân trong quá trình thực hành.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa của hoạt động thực hành.</p> <p>- Có kĩ năng viết Báo cáo.</p> <p>- Có ý thức cầu thị, trách nhiệm trong thực hành.-</p>	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7.	Sinh viên ở nhà viết Báo cáo thu hoạch	<p>Phần chuẩn bị của sinh viên:</p> <p>- Thu thập thông tin về cơ sở, lịch trình, nội dung công việc...</p> <p>- Viết Báo cáo thu hoạch theo các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lý do, thời gian, địa điểm thực hành CTXH tại cộng đồng. 2. Nội dung thực hành tại cộng đồng (nội dung công việc, khó khăn, thuận lợi, kết quả) 3. Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm 	A2.2
-----------	----------------------------	-----------------	---	---	--	---	------

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lương Thị Lan Huệ	2021	Kế hoạch thực hành CTXH tại cộng đồng	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
2	Nguyễn Thị Oanh	2000	Phát triển cộng đồng	NXB Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh.
3	Forgey, Mary	1997	Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp	NXB Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh.
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Trần Tiến Dũng	2014	Danh nhân Quảng Bình	NXB Chính trị Hành chính.
2	Nguyễn Phú Trọng	2002	Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Projector, máy tính cá nhân	1	Nội dung 1
2	Cơ sở thực hành ở tỉnh Quảng Bình	Projector, máy tính cá nhân	1	Nội dung 2

9. Holistic Rubric đánh giá

9.1 Đánh giá chuyên cần (Attendace Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% <= Đi học < 55%	55% <= Đi học < 70%	70% <= Đi học < 85%	Đi học >=85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Ý thức, thái độ	Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt	GV còn phải nhờ trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV	Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV	Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV	Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV	30%
Thực hiện nhiệm vụ được giao	Không hoàn thành (<30%)	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành	Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành	70%

9.2 Đánh giá báo cáo (Written Report)**Rubric 6: Báo cáo (Written Report)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định			
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.0)
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung trình tự tính toán chính xác. Tính toán và chọn chưa cụ thể, chưa th
Trình bày báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp cấu trúc logic, rõ ràng, logic, ghi chú. Thể hiện kỹ năng bản còn h

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

MẪU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục chính trị Mã số: 7140205

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

2. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Giáo dục kỹ năng sống	1.2. Tên tiếng Anh: Education life skills
1.3. Mã học phần: TMGDKN.100	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập:	5 tiết
- Thực hành:	10 tiết (10 x2 =20 tiết)
- Tự học:	90
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lương Thị Lan Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt ThS. Trần Hương Giang
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần giới thiệu những vấn đề chung về kỹ năng sống; giáo dục kỹ năng sống và hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Sinh viên hiểu được các nội dung về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống; hiểu được tâm sinh lý lứa tuổi THPT và các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.

2.2.2. Về kỹ năng

Biết vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy, công tác; có khả năng lồng ghép các nội dung kỹ năng sống qua bài dạy môn GDCD; biết hướng dẫn cho học sinh tự nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng sống.

2.2.3. Về thái độ

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng niềm say mê nghề nghiệp, chức trách người giáo viên giảng dạy GDCD góp phần giúp học sinh hình thành, rèn luyện kỹ năng sống.

Có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu, tham gia đầy đủ các buổi học, xây dựng bài.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Người học hiểu, trình bày được khái niệm kỹ năng sống và các khái niệm khác liên quan như giá trị sống, kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống.
CLO2	Người học phân tích được vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT; nội dung các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.
CLO3	Người học biết được các cách thức và phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT
CLO4	Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn dạy học ở địa phương.
CLO5	Người học có kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.
CLO6	Người học có thái độ, lối sống tích cực trong cuộc sống và học tập.

CLO7	Người học luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ.
------	---

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I						R					
CLO 2							M					
CLO 3							A	A	A			
CLO 4		R					A	A	A			
CLO 5							A	A	A		M	
CLO 6										M		M
CLO 7											M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên			Từ CLO1 đến CLO7	Quan sát, theo dõi, điểm danh
A2. Kiểm tra thường xuyên	35%	A1.1. Tuần 5 - Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống	30%		Từ CLO1 đến CLO2	Viết, bài tập Thực hành
		A1.2. Tuần 10 Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh	30%		CLO3,CLO5	
		A1.3. Tuần 14 Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	40%		CLO1 đến CL07	
A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần)	60%	- Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống - Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh			Từ CLO1 đến CLO7	Tự luận, vấn đáp

		- Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT				
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/T)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1,2,3, 4	CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG 1.1 Khái niệm 1.1.1 Kỹ năng sống 1.1.2 Giáo dục kỹ năng sống	(11 LT 01 BT)	- Hiểu được khái niệm kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống - Phân tích được đặc điểm tâm sinh lý học sinh THPT; Vai trò của giáo dục kỹ	CLO1 CLO2, CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận,	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung - Phần chuẩn bị trên lớp: * Bài tập: - Đặc điểm phát triển tâm sinh lý	

	<p>1.2 Đặc điểm của công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>1.2.1 Đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh THPT</p> <p>2.2.2 Nguyên tắc công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>1.3 Vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>1.4 Nhiệm vụ của công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>Chương 2. Hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh</p> <p>2.1 Kỹ năng tự nhận thức giá trị của bản thân</p> <p>2.2 Kỹ năng giao tiếp</p> <p>2.3 Kỹ năng đồng cảm</p>		<p>năng sống cho học sinh THPT.</p> <p>- Trình bày được nhiệm vụ của công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p>		<p>làm bài tập, tự học</p>	<p>của học sinh THPT.</p> <p>- Vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p>	
5,6,7,8	<p>CHƯƠNG 2 HỆ THỐNG CÁC KỸ NĂNG SỐNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH THPT (TIẾP)</p> <p>2.4 Kỹ năng ra quyết định</p> <p>2.5 Kỹ năng ứng phó với stress</p> <p>2.6 Kỹ năng hợp tác</p>	(8 LT, 04 BT)	<p>- Nêu được các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.</p> <p>- Phân tích được nội dung các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.</p>	CLO2 CLO5	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình nêu</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà: Su rầm các trò chơi liên quan đến bài học; Thực hành nhóm.</p> <p>* Bài tập ở lớp:</p>	A1.1

	<p>2.7 Kỹ năng giải quyết xung đột</p> <p>2.8 Kỹ năng lãnh đạo</p>		<p>- Thực hành được các tình huống giả định.</p>		<p>vấn đề, pphd tình huống, pp sắm vai, pp dạy học dự án..</p>	<p>- Kỹ năng giao tiếp (vận dụng trong cuộc sống sinh viên)</p> <p>- Kỹ năng ứng phó với stress</p> <p>- Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp</p> <p>- Kỹ năng lãnh đạo.</p>	
<p>9,10,11,12</p>	<p>CHƯƠNG 2 HỆ THỐNG CÁC KỸ NĂNG SỐNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH THPT (TIẾP)</p> <p>2.9 Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp</p> <p>2.10 Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THPT (10LT; 10 TH)</p> <p>3.1 Một số trò chơi giáo dục kỹ năng sống</p> <p>3.1.1 Bó đũa kì diệu</p>	<p>(8 LT, 4 TH)</p>	<p>- Biết được các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p> <p>- Thực hành được cách thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p> <p>- Vận dụng tốt lý thuyết vào thực tế dạy học phổ thông.</p>	<p>CLO3 CLO5</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, pp sắm vai, pp dạy học dự án..</p>	<p>* Thực hành:</p> <p>- Tổ chức trò chơi</p> <p>- Tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p>	<p>A1.2</p>

	<p>3.1.2 Tôi tin bạn</p> <p>3.1.3 Lá bài định mệnh</p> <p>3.2 Một số phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>3.2.1 Phương pháp động não</p> <p>3.2.2 Phương pháp thảo luận</p> <p>3.2.3 Phương pháp đóng vai</p> <p>3.2.4 Phương pháp nghiên cứu tình huống</p> <p>3.2.5 Phương pháp trò chơi</p> <p>3.2.6 Phương pháp dự án</p>						
13,14, 15	<p>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THPT</p> <p>3.3 Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>3.3.1 Hoạt động câu lạc bộ</p> <p>3.3.2 Tổ chức trò chơi</p> <p>3.3.3 Tổ chức diễn đàn</p> <p>3.3.4 Sân khấu tương tác</p> <p>3.3.5 Tham quan, dã ngoại</p>	(3 LT, 6 TH)	<p>Thực hành được cách thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p> <p>- Vận dụng tốt lý thuyết vào thực tế dạy học phổ thông.</p>	CL01 đến CL07	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, pp sắm vai, pp dạy học dự án..</p>	<p>* Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trò chơi - Tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT. 	A1.3

	3.3.6 Hội thi 3.3.7 Tổ chức sự kiện 3.3.8 Tổ chức giao lưu 3.3.9 Hoạt động chiến dịch 3.3.10 Hoạt động nhân đạo						
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A2

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lương Thị Lan Huệ (2016)	2020	<i>Bài giảng giáo dục kỹ năng sống,</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
2	Nguyễn Thanh Bình	2014	<i>Giáo trình giáo dục kỹ năng</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Công Khanh	2016	<i>Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống,</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội
2	Nguyễn Thị Oanh	2008	<i>Giáo dục kỹ năng sống cho lứa tuổi vị thành niên</i>	NXB Trẻ Hà Nội
3	Hà Nhật Thăng	1997	<i>Tổ chức hoạt động giáo dục</i>	NXB Giáo dục Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	Chương 1
2	Giảng đường A, C	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	Chương 2
3	Giảng đường A, C	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	Chương 3

9. Holistic Rubric đánh giá

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

MẪU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục chính trị Mã số: 7140205

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

3. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Giáo dục kỹ năng sống	1.2. Tên tiếng Anh: Education life skills
1.3. Mã học phần: TMGDKN.100	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập:	5 tiết
- Thực hành:	10 tiết (10 x2 =20 tiết)
- Tự học:	90
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lương Thị Lan Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt ThS. Trần Hương Giang
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần giới thiệu những vấn đề chung về kỹ năng sống; giáo dục kỹ năng sống và hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Sinh viên hiểu được các nội dung về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống; hiểu được tâm sinh lý lứa tuổi THPT và các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.

2.2.2. Về kỹ năng

Biết vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy, công tác; có khả năng lồng ghép các nội dung kỹ năng sống qua bài dạy môn GDCD; biết hướng dẫn cho học sinh tự nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng sống.

2.2.3. Về thái độ

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng niềm say mê nghề nghiệp, chức trách người giáo viên giảng dạy GDCD góp phần giúp học sinh hình thành, rèn luyện kỹ năng sống.

Có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu, tham gia đầy đủ các buổi học, xây dựng bài.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Người học hiểu, trình bày được khái niệm kỹ năng sống và các khái niệm khác liên quan như giá trị sống, kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống.
CLO2	Người học phân tích được vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT; nội dung các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.
CLO3	Người học biết được các cách thức và phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT
CLO4	Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn dạy học ở địa phương.
CLO5	Người học có kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.
CLO6	Người học có thái độ, lối sống tích cực trong cuộc sống và học tập.
CLO7	Người học luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I						R					
CLO 2							M					
CLO 3							A	A	A			
CLO 4		R					A	A	A			
CLO 5							A	A	A		M	
CLO 6										M		M
CLO 7											M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá/ thời gian	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	Theo dõi, quan sát, điểm danh	<p>- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3</p> <p>- Đánh giá theo tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên 	5%		Từ CLO1 đến CLO7	Đáp ứng đáp án, thang điểm
A2. Kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra viết, bài tập nhóm, thực hành	<p>A1.1. Tuần 1,2,3,4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống - Chương 2. Hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh <p>2.3 Kỹ năng đồng cảm</p>	5%		Từ CLO1 đến CLO2	Đáp ứng đáp án, thang điểm
		<p>A1.2. Tuần 5,6,7,8:</p> <p>Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh</p> <p>2.8 Kỹ năng lãnh đạo</p>	10%		CLO3,CLO5	
		<p>A1.3. Tuần 9,10,11,12</p> <p>Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh</p> <p>Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p>	10%		CLO4 đến CL07	

		3.2 Một số phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT				
		A1.4. Tuần 13,14,15 Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT 3.3 Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	15%	X	CLO 1 đến CLO7	
A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần)	Thi tự luận và trắc nghiệm, viết, vấn đáp, thực hành, Vấn đáp + Thực hành (Theo thời gian của trường)	- Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống - Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh - Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	60%		Từ CLO1 đến CLO7	Đáp ứng đáp án, thang điểm

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Hình thức đánh giá/ thời gian [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR được đánh giá [4]	Số lần đánh giá/thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Tỷ lệ (%) [7]
A1. Đánh giá quá trình	Chuyên cần và thái độ học tập	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	Từ CLO1 đến CLO7	Các buổi học	Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	5%
	Bài kiểm tra 1 (50 phút)	Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống	CLO1, CLO2	Tuần thứ 5	Đáp ứng đáp án, thang điểm	10%
	Bài kiểm tra 2 (50 phút)	Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh	CLO1 đến CLO5	Tuần thứ 10	Đáp ứng đáp án, thang điểm	10%
	Bài kiểm tra 3 (50 phút)	Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	CLO1 đến CLO7	Tuần thứ 15	Đáp ứng đáp án, thang điểm	10%

Thành phần đánh giá [1]	Hình thức đánh giá/ thời gian [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR được đánh giá [4]	Số lần đánh giá/thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Tỷ lệ (%) [7]
A2. Đánh giá kết thúc học phần	Thi tự luận và trắc nghiệm, viết, vấn đáp, thực hành, Vấn đáp + Thực hành (Theo thời gian của trường)	Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống - Chương 2. Hệ thống các kỹ năng cần giáo dục cho học sinh - Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	Từ CLO1 đến CLO7	Theo thời gian của trường	Đáp ứng đáp án, thang điểm	60%

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở	<i>PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR</i>	<i>Hoạt động học của SV(*)</i>	<i>Tên bài đánh giá</i>
--------------------------------	--	---------------------------	-------------------------------------	------------------------------	--	------------------------------------	-------------------------------------

				bảng 4.1			<i>(ở cột 3 bảng 5.1</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (4LT-1 BT)</p> <p>1.1 Khái niệm</p> <p>1.1.1 Kĩ năng sống</p> <p>1.1.2 Giáo dục kĩ năng sống</p> <p>1.2 Đặc điểm của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>1.2.1 Đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh THPT</p> <p>2.2.2 Nguyên tắc công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>1.3 Vai trò, ý nghĩa của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT</p> <p>1.4 Nhiệm vụ của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT</p>	(04 LT 01 BT)	<p>- Hiểu được khái niệm kĩ năng sống, giáo dục kĩ năng sống</p> <p>- Phân tích được đặc điểm tâm sinh lý học sinh THPT; Vai trò của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT.</p> <p>- Trình bày được nhiệm vụ của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT</p>	CLO1 CLO2, CLO3	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, làm bài tập, tự học</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp:</p> <p>* Bài tập:</p> <p>- Đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh THPT.</p> <p>- Vai trò của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT.</p>	
2	<p>CHƯƠNG 2 HỆ THỐNG CÁC KĨ NĂNG SỐNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH THPT (16 LT-4BT)</p>	(16 LT, 04 BT)	<p>- Nêu được các kĩ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.</p>	CLO2 CLO5	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà: Suu tầm các trò chơi liên quan</p>	

	<p>2.1 Kỹ năng tự nhận thức giá trị của bản thân</p> <p>2.2 Kỹ năng giao tiếp</p> <p>2.3 Kỹ năng đồng cảm</p> <p>2.4 Kỹ năng ra quyết định</p> <p>2.5 Kỹ năng ứng phó với stress</p> <p>2.6 Kỹ năng hợp tác</p> <p>2.7 Kỹ năng giải quyết xung đột</p> <p>2.8 Kỹ năng lãnh đạo</p> <p>2.9 Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp</p> <p>2.10 Kỹ năng làm việc nhóm</p>		<p>- Phân tích được nội dung các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.</p> <p>- Thực hành được các tình huống giả định.</p>		<p>Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, pphd tình huống, pp sắm vai, pp dạy học dự án..</p>	<p>đến bài học; Thực hành nhóm.</p> <p>* Bài tập ở lớp:</p> <p>- Kỹ năng giao tiếp (vận dụng trong cuộc sống sinh viên)</p> <p>- Kỹ năng ứng phó với stress</p> <p>- Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp</p> <p>- Kỹ năng lãnh đạo.</p>	
3	<p>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH THPT (10LT; 10 TH)</p> <p>3.1 Một số trò chơi giáo dục kỹ năng sống</p> <p>3.1.1 Bó đũa kì diệu</p> <p>3.1.2 Tôi tin bạn</p> <p>3.1.3 Lá bài định mệnh</p>	(10 LT, 10 TH)	<p>- Biết được các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p> <p>- Thực hành được cách thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p>	CLO3 CLO5	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm</p> <p>Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, pp sắm vai, pp dạy học dự án..</p>	<p>* Thực hành:</p> <p>- Tổ chức trò chơi</p> <p>- Tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT.</p>	A1.1.

<p>3.2 Một số phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.2.1 Phương pháp động não 3.2.2 Phương pháp thảo luận 3.2.3 Phương pháp đóng vai 3.2.4 Phương pháp nghiên cứu tình huống 3.2.5 Phương pháp trò chơi 3.2.6 Phương pháp dự án <p>3.3 Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.3.1 Hoạt động câu lạc bộ 3.3.2 Tổ chức trò chơi 3.3.3 Tổ chức diễn đàn 3.3.4 Sân khấu tương tác 3.3.5 Tham quan, dã ngoại 3.3.6 Hội thi 3.3.7 Tổ chức sự kiện 3.3.8 Tổ chức giao lưu 3.3.9 Hoạt động chiến dịch 3.3.10 Hoạt động nhân đạo 		<p>- Vận dụng tốt lý thuyết vào thực tế dạy học phổ thông.</p>				
---	--	--	--	--	--	--

Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì							A2
---------------------	------------------	--	--	--	--	--	--	----

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lương Thị Lan Huệ (2016)	2020	<i>Bài giảng giáo dục kỹ năng sống,</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
2	Nguyễn Thanh Bình	2014	<i>Giáo trình giáo dục kỹ năng</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Công Khanh	2016	<i>Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống,</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội
2	Nguyễn Thị Oanh	2008	<i>Giáo dục kỹ năng sống cho lứa tuổi vị thành niên</i>	NXB Trẻ Hà Nội
3	Hà Nhật Thăng	1997	<i>Tổ chức hoạt động giáo dục</i>	NXB Giáo dục Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	Chương 1
2	Giảng đường A, C	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	Chương 2
3	Giảng đường A, C	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	Chương 3

9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)

4 điểm	3 điểm	2 điểm
<ol style="list-style-type: none"> 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên 2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên 2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 	<p>Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên.</p> <p>Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên giao cho những nhiệm vụ đặc biệt như viết báo cáo.</p> <p>Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định.</p>

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn